

Bản án số: 323/2017/HNGĐ-PT

Ngày 09/11/2017

V/v: tranh chấp “xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền;

Ông Phùng Hải Hiệp .

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3577/QĐ-PT ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N;

Địa chỉ: phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Quang H;

Địa chỉ: phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Phương N trình bày:

Chị và anh Trương Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại gia đình nhà chồng tại quận Đ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp về quan

điểm sống, anh H đã tát, đánh và thường xuyên nhiếc móc chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ ngày 28/3/2014, chị và con gái bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong 6 tháng đầu anh H có đến thăm nom con. Tháng 10/2014, anh H có đến đặt vấn đề với chị về việc cùng sang Úc với anh làm ăn kinh tế, chị đồng ý và làm hồ sơ, nhưng sau đó do mâu thuẫn nên chị quyết định không sang Úc nữa và anh H nói nếu chị không sang thì vợ chồng sẽ ly hôn. Tháng 01/2015 anh H đi du học tại Úc theo diện cơ quan cử đi học. Từ khoảng giữa tháng 01/2017 anh H về hẳn Việt Nam. Từ khi anh H về Việt Nam đến nay vợ chồng cũng không gặp gỡ, trao đổi để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh H cho rằng chị có bạn trai là hoàn toàn không đúng. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Khánh P, sinh ngày 09/8/2013, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con vì chị đã chăm sóc cháu từ bé, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị đang làm nhân viên tại Công ty Merck Việt Nam, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000/ tháng. Chị hiện ở cùng bố mẹ đẻ tại phường N.

Về tài sản và công nợ: Chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Anh H trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn; về tài sản chung và công nợ; về vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Khánh P sinh ngày 09/8/2013, hiện đang ở với chị N. Quá trình chung sống, vợ chồng có cãi nhau, bất đồng quan điểm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất. Thực tế anh không tát hay đánh chị N như chị N trình bày mà anh chỉ vỗ nhẹ vào mặt chị N một cái khi hờn dỗi vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng cũng không hề phải 2 bên hay bạn bè phải hòa giải như chị N trình bày. Khoảng đầu năm 2014, chị N bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ, mẹ anh có gọi điện cho mẹ chị N sang để nói chuyện, nhưng mẹ chị N không sang. Tháng 10/2014, khi anh chuẩn bị sang Úc du học thì anh có bảo chị N đưa hồ sơ để làm thủ tục sang Úc do vậy hai vợ chồng lại quay về ở với nhau. Tháng 01/2015, anh sang Úc du học, sau đó chị N tham khảo ý kiến của nhiều người và quyết định không sang Úc nữa, đây là cú sốc đối với anh. Trong suốt thời gian anh đi du học tại Úc 2 năm, chị N ở nhà bố mẹ đẻ không được sự đồng ý của anh, anh cũng có về nước 2 lần nhưng anh có cảm giác tình cảm của chị N đối với anh đã rạn nứt. Từ ngày anh về nước, anh cũng chưa có điều kiện để gặp gỡ, hàn gắn tình cảm với chị N. Theo anh được biết, trong thời gian anh đi học ở nước ngoài chị N có bạn trai. Nếu phải ly hôn anh sẽ có bằng chứng để giành quyền nuôi con. Nay chị N có

đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và anh không muốn ly hôn để cho con đỡ khổ.

Về con chung: Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị N cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh là Công chức, thu nhập khoảng 3.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra, anh còn thuê 1 cửa hàng để bán cà phê, thu nhập khoảng 10 đến 15 triệu đồng/tháng. Hiện anh đang ở tại nhà của bố anh quận Đ, thành phố Hà Nội. Anh không đồng ý để chị N nuôi con vì chị N đang ở nhà bố mẹ là nhà ở thuê, chị thường phải nhờ bố mẹ đón con và anh thấy về đạo đức của chị N không tốt, không phấn đấu học hành.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Phương N.

Chị Nguyễn Phương N được ly hôn anh Trương Quang H;

2. Về con chung: Chị Nguyễn Phương N và anh Trương Quang H có 01 con chung là Trương Khánh P, sinh ngày 09/8/2013.

Giao cháu Trương Khánh P cho chị Nguyễn Phương N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trương Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 5/2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh H xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/5/2017, bị đơn là anh Trương Quang H có đơn kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Khánh P vì điều kiện nuôi con của chị N là hạn chế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thống nhất được về giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Phương N không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn anh Trương Quang H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh cho rằng: Chị N khó có thể giáo dục con gái trở thành một người tốt (vì anh lo lắng về đạo đức của chị N qua những gì chị N đã hành xử); Bản thân chị N không đủ thời gian chăm sóc con gái, phải nhờ những người khác trong gia đình bên ngoại, trong khi đó anh hoàn toàn có đủ thời gian, sức khỏe, điều kiện vật chất để có thể trực tiếp nuôi dưỡng khi so sánh với điều kiện hiện tại của chị N; Căn nhà hiện chị N đang ở cùng bố mẹ là căn hộ đi thuê, trong khi đó anh có 2 căn nhà bố mẹ anh cho anh (1 căn nhà anh đang ở và 1 căn anh đang cho thuê), đây là nguồn thu nhập ổn định, do đó nếu được trực tiếp nuôi con thì sẽ rất thuận lợi về điều kiện nhà ở; Về trình độ học vấn và hiểu biết xã hội anh có thuận lợi hơn trong việc nuôi dạy và sự phát triển của con vì anh có trình độ đại học và đã hoàn thành khóa học Thạc sỹ ở nước ngoài, còn chị N hiện nay dừng ở mức Trung cấp; được biết trong thời gian anh học ở nước ngoài chị N đã có bạn trai, điều này không những làm xa cách tình cảm giữa bố con anh mà còn tiềm ẩn nguy cơ con anh có thể bị xâm hại khi cháu là con gái. Từ những lý do trên, anh đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Khánh P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của anh Trương Quang H thấy rằng cả chị N và anh H đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về nhiều mặt nhằm đảm bảo tốt nhất cho con. Xem xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế thì việc giao con chung cho chị N là phù hợp, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu và tránh xáo trộn sinh hoạt của cháu P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên quyết định về nuôi con chung tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định: Anh Trương Quang H và Chị Nguyễn Phương N có đăng ký kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh H và chị N có 01 con chung là cháu Trương Khánh P, sinh ngày 9/8/2013. Sau một thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn về quan điểm và lối sống. Vì vậy chị N đã làm đơn xin ly hôn anh H. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án đã quyết định cho chị N được ly hôn anh H và giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh H kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

Xét kháng cáo của anh Trương Quang H, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trương Khánh P. Việc mong muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Xét thấy, anh H và chị N đều có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về nhiều mặt nhằm đảm bảo tốt nhất cho con. Hiện nay, cháu P còn nhỏ, mới hơn 4 tuổi, lại là con gái đã ở với chị N từ nhỏ, rất cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ, ngoài ra cháu còn được sự hỗ trợ, giúp đỡ của ông bà ngoại trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng đây là điều kiện rất tốt. Anh H cũng thừa nhận anh thấy cháu P ở với mẹ và ông bà ngoại hoàn toàn khỏe mạnh, phát triển bình thường; anh đồng ý với việc chị N chọn trường học cho con, nếu được trực tiếp nuôi dưỡng con, anh cũng cho cháu học trường mà hiện nay con anh đang học vì trường này rất tốt. Xem xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế thì việc giao con chung cho chị N là phù hợp, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu và tránh xáo trộn sinh hoạt của cháu P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Trương Quang H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần giải quyết con chung.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trương Quang H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về giải quyết con chung.

2. Giao cháu Trương Khánh P cho chị Nguyễn Phương N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trương Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 5/2017 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trương Quang H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu số 0004676 ngày 17/5/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2017/HNGĐ-ST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, TACC tại Hà Nội.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Phách